

Bản án số: 01 /2023/HNGĐ -ST

Ngày 11/01/2023

"V/v ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Đình Động- Giáo viên

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch Hội phụ nữ huyện

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện An Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2022/TLST - HNGĐ ngày 27/10/2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 15/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ng Thị N, sinh năm 1989

Trú tại: Bản NM, NM, QS, TH

- Bị đơn: Anh Phạm Công H, sinh năm 1983

ĐKHKT: Bản NM, NM, QS, TH

Chỗ ở hiện nay: HL, PU, ATi, Hưng Yên

- Người có QLVN liên quan: Cháu Phạm Thị Kim Ng, sinh ngày 27/7/2012

Người đại diện hợp pháp của cháu: Anh H – Bố đẻ của cháu

Chị N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2022 và lời khai của chị N trình bày chị và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào năm 2011, được hai gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới, chị về gia đình anh chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Sau đó kinh tế khó khăn, chị cùng anh H về quê tại Na Mèo, Quan Sơn, Thanh Hóa sinh sống, được khoảng 1 năm thì phát hiện anh H nghiện ma túy, gia đình đã động viên anh H cai nghiện nhưng không được. Sau đó anh H càng ngày càng lún sâu nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh H về nhà mẹ đẻ tại Huệ Lai, Phù Ủng sinh sống từ năm 2019 cho đến nay và vợ chồng cũng sống ly thân nhau từ thời

gian đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh làm đơn xin ly hôn anh H.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Thị Kim Ng, sinh ngày 27/7/2012. Chị để anh H tiếp tục nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Anh H trình bày: Anh chị quen biết nhau ở Hải Dương, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào năm 2011. Sau khi cưới chị N về ngay gia đình chồng chung sống. Được khoảng vài năm thì vợ chồng vào nhà vợ ở và chuyển khẩu vào Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng có cãi nhau xong lại thôi. Năm 2019 anh về quê ở và đi làm, còn chị N đi làm công ty ở Bắc Ninh, vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Thị Kim Ng, sinh ngày 27/7/2012. Anh nhận nuôi con chung

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Bà Nguyễn Thị Liên (mẹ đẻ của anh H) trình bày: Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào năm 2011. Anh chị chung sống với bà tại Huệ Lai, Phù Ủng. Được vài năm thì vợ chồng vào Thanh Hóa ở, đến năm 2019 anh H về ở với bà và đi làm, còn chị N không về chỉ khi nào về thăm con thì mới về. Thời gian trước chị N có nói với bà là vợ chồng không ở được với nhau nên xin ly hôn. Nay chị N xin ly hôn anh H, việc anh chị có chung sống với nhau được nữa hay không là quyền của anh chị.

Về con chung: Anh H, chị N có 01 con chung là Phạm Thị Kim Ng, sinh ngày 27/7/2012. Hiện nay cháu đang ở với bố và bà.

Về tài sản chung, công nợ: Không có

Tại biên bản xác minh với UBND xã Phù Ủng: Anh H, chị N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào ngày 13/9/2011 tại số 56. Quá trình chung sống có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được. Hiện nay anh H, chị N không còn chung sống với nhau, anh H cùng con về ở với mẹ tại Huệ Lai, Phù Ủng.

Về con chung: Anh H, chị N có 01 con chung là Phạm Thị Kim Ng, sinh ngày 27/7/2012.

Về tài sản chung, công nợ: Không nắm được

Tại phiên tòa ngày 04/01/2023: Anh H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do căn cứ khoản 1 điều 227 của BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa

Tại phiên tòa ngày 11/01/2023: Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Còn anh H vắng mặt không có lý do căn cứ khoản 1 điều 227 của BLTTDS, Điều 228, điều 238, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn, người có QLVN liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về đường lối giải quyết:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, điều 238 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng Thị N. Xử cho chị N được ly hôn anh H

- Về con chung: Anh H, chị N có 01 con chung là Phạm Thị Kim Ng, sinh ngày 27/7/2012. Nay ly hôn, anh H, chị N thống nhất thỏa thuận để anh H nuôi con chung đến tuổi thành niên. Chị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H là 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu Ng thành niên. Chị N có quyền đi lại thăm nom con chung là tự nguyện nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Chị N phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 13/9/2011. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị N là hợp pháp. Nay chị N có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Mặc dù anh H có hộ khẩu thường trú tại Na Mèo, Quan Sơn, Thanh Hóa nhưng từ năm 2019 anh H về sinh sống tại Huệ Lai, Phù Ủng, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị N xác định năm 2019 phát hiện anh H nghiện các chất ma túy nên chị và gia đình có khuyên nhưng anh H không cai nghiện được, từ đó vợ chồng mâu thuẫn, anh H không chịu làm ăn. Do mâu thuẫn, anh H về quê tại Huệ Lai, Phù Ủng ở với mẹ từ thời gian đó. Về phía anh H xác định vợ chồng có mâu

thuần xong lại thôi. Cả anh H, chị N đều xác định vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh H đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh H đều vắng mặt. Tại lời khai của anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị N xin ly hôn anh đồng ý ly hôn, về phía chị N trong suốt quá trình giải quyết chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh H vì chị xác định hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân nhau phù hợp với lời khai của bà Liên (mẹ đẻ của anh H). Từ phân tích trên, HĐXX thấy hôn nhân giữa anh H, chị N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H, chị N không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa, hơn nữa anh H, chị N đã có thời gian dài sống ly thân nhau mà không có biện pháp gì để về ở với nhau vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh H, chị N có 01 con chung là Phạm Thị Kim Ng, sinh ngày 27/7/2012. Nay ly hôn, anh H, chị N thống nhất thỏa thuận để anh H tiếp tục nuôi cả cháu Ng đến tuổi thành niên. Thỏa thuận của anh H, chị N là tự nguyện, phù hợp với thực tế hiện nay cháu đang ở với anh H và học tập tại Phù Ủng, Ân Thi, Hưng Yên, hơn nữa chị N đang làm công nhân tại Bắc Ninh, phải đi thuê nhà. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, học tập của cháu nên HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của anh H, chị N về việc để anh H nuôi cháu Ng.

Về cấp dưỡng: Chị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H là 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 11/2022, anh H nhất trí, căn cứ quy định của pháp luật sự thỏa thuận của anh H, chị N là phù hợp với mức thu nhập của chị N là 10.000.000 đồng/ tháng nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh H, chị N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ng Thị N được ly hôn anh Phạm Công H

2- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh H, chị N, giao con chung là Phạm Thị Kim Ng, sinh ngày 27/7/2012 cho anh H trực tiếp nuôi đến khi thành niên. Chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H là 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng

11/2022 cho đến khi cháu Ng đến tuổi thành niên. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 BLDS

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị N không thi hành khoản tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003242 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Ngoài ra chị N còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5- Quyền kháng cáo: Anh H, chị N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THA tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Phù Ủng, Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

